UBND TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

Số: 238 /QĐ-CĐYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ vào Quyết định số 140/QĐ-CĐYT ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ vào Biên bản số 193/BB-CĐYT ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng năm 2024, lớp CĐ D4A1, CĐ D4A3, CĐ ĐD4A1 được thành lập theo Quyết định số 20/QĐ-CĐYT ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo - Nghiên cứu khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 38 sinh viên lớp CĐ D4A1, 01 sinh viên lớp CĐ D4A3, 37 sinh viên lớp CĐ ĐD4A1 kể từ ngày ký quyết định (có danh sách sinh viên và xếp loại tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) trưởng phòng, khoa và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu: VT, P. QLĐT - NCKH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Dung

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH
HỘI ĐỒNG XÉT VÀ CNTN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 238 /QĐ-CĐYT ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

Lớp: CĐ ĐD4A1 **Khóa: 2021 - 2024** **Ngành: Điều dưỡng**

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc	Kỷ luật	Xếp loại TN
1	Nguyễn Thị Phương Anh	05/7/2003	Nữ	Huyện Lương Tài, Bắc Ninh	90	7.0	2.66	0	Không	Khá
2	Lương Thị Lan Anh	27/12/2003	Nữ	Quận Tân Bình, Hồ Chí Minh	90	7.4	2.91	0	Không	Khá
3	Vương Thị Ánh	20/6/2003	Nữ	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	90	7.1	2.73	0	Không	Khá
4	Nguyễn Thị Hằng	01/3/2003	Nữ	Huyện Gia Bình, Bắc Ninh	90	6.9	2.66	0	Không	Khá
5	Nguyễn Thị Thanh Hằng	14/6/2003	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	7.1	2.74	0	Không	Khá
6	Vũ Thị Thu Hằng	03/01/2003	Nữ	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	90	7.0	2.71	0	Không	Khá
7	Đào Thị Hiên	19/4/2003	Nữ	Huyện Phù Cừ, Hưng Yên	90	7.0	2.78	0	Không	Khá
8	Đỗ Trung Hiếu	28/5/2001	Nam	Huyện Chí Linh, Hải Dương	90	8.5	3.73	0	Không	Xuất sắc
9	Nguyễn Nhân Hòa	19/4/2003	Nam	Huyện Quế Võ, Bắc Ninh	90	7.9	3.21	0	Không	Giỏi
10	Nguyễn Thị Hòa	11/10/2002	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	90	6.4	2.29	0	Không	Trung bình
11	Ngô Thị Hường	02/01/2003	Nữ	Huyện Lương Tài, Bắc Ninh	90	7.0	2.66	0	Không	Khá
12	Nguyễn Thuý Hường	08/3/2003	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	6.8	2.64	0	Không	Khá
13	Nguyễn Thị Huyền	22/7/2003	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	90	7.1	2.83	0	Không	Khá
14	Ngô Thị Lam	10/3/2001	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	90	7.6	3.06	0	Không	Khá
15	Chu Thị Phương Liên	25/11/2003	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	90	7.2	2.80	0	Không	Khá
16	Đỗ Thị Linh	03/10/1999	Nữ	Huyện Lương Tài, Bắc Ninh	90	7.2	2.81	0	Không	Khá
17	Nguyễn Thị Khánh Ly	04/11/2003	Nữ	Đắk Lắk	90	7.3	2.90	0	Không	Khá
18	Ngô Thị Lý	27/02/2003	Nữ	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	90	6.3	2.31	0	Không	Trung bình
19	Phạm Thị Mai	14/9/2003	Nữ	Huyện Yên Thế, Bắc Giang	90	6.5	2.38	0	Không	Trung bình
20	Hoàng Thanh Mùi	03/02/2003	Nam	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	90	6.5	2.46	0	Không	Trung bình
21	Nguyễn Đăng Nghĩa	20/11/2002	Nam	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	90	6.1	2.13	0	Không	Trung bình
22	Nguyễn Thị Nhàn	25/3/2003	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	90	6.8	2.55	0	Không	Khá
23	Nguyễn Thị Oanh	22/8/2003	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	90	6.8	2.52	0	Không	Khá
24	Dương Trọng Phương	04/12/2003	Nam	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	6.9	2.63	0	Không	Khá

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc	Kỷ luật	Xếp loại TN
25	Đỗ Thị Phượng	01/8/2002	Nữ	TP.Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	90	**8.3**	**3.46**	0	Không	Giỏi
26	Nguyễn Văn Thắng	09/10/2000	Nam	Huyện Quế Võ, Bắc Ninh	90	**6.8**	**2.47**	0	Không	Trung bình
27	Trần Thị Thảo	14/8/2003	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	90	**6.7**	**2.47**	0	Không	Trung bình
28	Nguyễn Thị Thảo	08/6/2003	Nữ	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	90	**6.6**	**2.44**	0	Không	Trung bình
29	Nguyễn Thị Thảo	14/02/2003	Nữ	Huyện Gia Bình, Bắc Ninh	90	**7.2**	**2.79**	0	Không	Khá
30	Nguyễn Bích Thủy	05/5/2003	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	**6.8**	**2.57**	0	Không	Khá
31	Nguyễn Thị Tình	15/6/2003	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	**7.1**	**2.77**	0	Không	Khá
32	Nguyễn Thị Trang	20/9/2003	Nữ	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	90	**6.4**	**2.33**	0	Không	Trung bình
33	Nguyễn Thị Trang	16/10/2003	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	**6.8**	**2.53**	0	Không	Khá
34	Lê Anh Tú	29/9/2003	Nam	Huyện Quế Võ, Bắc Ninh	90	**6.0**	**2.06**	0	Không	Trung bình
35	Nguyễn Thị Uyên	23/6/2003	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	90	**6.5**	**2.42**	0	Không	Trung bình
36	Nguyễn Hồng Vinh	08/02/2003	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	**6.9**	**2.60**	0	Không	Khá
37	Nguyễn Quang Vinh	06/10/2002	Nam	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	**7.4**	**2.94**	0	Không	Khá

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH
HỘI ĐỒNG XÉT VÀ CNTN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 238 /QĐ-CĐYT ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

Ngành đào tạo: Dược **Khóa học: 2021-2024**

I. LỚP: CĐ D4A1

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc bằng	Kỷ luật	Xếp loại TN
1	Bùi Thị Hoà An	05/7/2001	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	90	6.6	2.52	0	Không	Khá
2	Nguyễn Hải Anh	02/02/2003	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	6.9	2.60	0	Không	Khá
3	Nguyễn Thị Kim Anh	02/11/2003	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	7.2	2.84	0	Không	Khá
4	Phạm Thị Quỳnh Anh	10/12/2003	Nữ	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	90	7.3	2.93	0	Không	Khá
5	Nguyễn Phương Anh	05/3/2003	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	7.7	3.11	0	Không	Khá
6	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/01/2003	Nữ	Huyện Tân Yên, Bắc Giang	90	6.4	2.27	0	Không	Trung bình
7	Đỗ Thị Chiến	03/7/2001	Nữ	Huyện Lương Tài, Bắc Ninh	90	7.6	3.01	0	Không	Khá
8	Nguyễn Hoàng Nhất Cường	09/7/2000	Nam	Huyện Đông Triều, Quảng Ninh	90	6.8	2.59	0	Không	Khá
9	Lê Hoàng Đạo	06/12/1999	Nam	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	7.0	2.77	0	Không	Khá
10	Đỗ Thành Đạt	07/11/2003	Nam	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	6.2	2.15	0	Không	Trung bình
11	Nguyễn Duy Dương	02/9/2003	Nam	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	90	6.5	2.35	0	Không	Trung bình

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc bằng	Kỷ luật	Xếp loại TN
12	Đặng Thị Êm	10/12/1998	Nữ	Huyện Hàm Yên, Tuyên Quang	90	7.3	2.93	0	Không	Khá
13	Nguyễn Thị Mỵ Giang	03/12/2003	Nữ	Huyện Lương Tài, Bắc Ninh	90	7.7	3.18	0	Không	Khá
14	Ngô Thị Thuỳ Hưng	03/11/2003	Nữ	TP Từ Sơn, Bắc Ninh	90	7.1	2.72	0	Không	Khá
15	Nguyễn Thị Khánh Huyền	25/4/2003	Nữ	Hà Nội	90	6.6	2.42	0	Không	Trung bình
16	Dương Thị Thuý Hường	06/8/2003	Nữ	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	90	6.5	2.39	0	Không	Trung bình
17	Ngô Thị Hường	19/9/2002	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	90	7.4	2.95	0	Không	Khá
18	Nguyễn Thị Lê	24/9/2002	Nữ	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	90	6.7	2.48	0	Không	Trung bình
19	Hoàng Khánh Linh	27/6/2003	Nữ	Huyện Yên Thế, Bắc Giang	90	6.7	2.55	0	Không	Khá
20	Vương Văn Phong	13/01/2000	Nam	Bắc Ninh	90	8.0	3.34	0	Không	Giỏi
21	Bùi Thị Phương	22/12/2003	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	7.0	2.70	0	Không	Khá
22	Nguyễn Thị Ngọc Phương	16/6/2003	Nữ	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	90	7.1	2.77	0	Không	Khá
23	Nguyễn Thị Hồng Phượng	08/11/2003	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	7.4	2.99	0	Không	Khá
24	Phạm Thị Quế	20/11/2003	Nữ	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	90	7.7	3.14	0	Không	Khá
25	Nguyễn Thị Thi Soan	05/02/2003	Nữ	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	90	7.5	2.98	0	Không	Khá
26	Nguyễn Thị Thảo	05/3/2003	Nữ	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	90	6.9	2.68	0	Không	Khá
27	Lê Thị Minh Thu	23/8/2003	Nữ	Bắc Ninh	90	6.1	2.14	0	Không	Trung bình
28	Nguyễn Thị Thu	28/10/2003	Nữ	Huyện Thuận Thành, Bắc Ninh	90	7.9	3.33	0	Không	Giỏi

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc bằng	Kỷ luật	Xếp loại TN
29	Nguyễn Thị Trà	16/8/2003	Nữ	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	90	7.2	2.84	0	Không	Khá
30	Nguyễn Thị Trang	23/7/2003	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	90	8.3	3.57	0	Không	Giỏi
31	Vũ Thị Trang	16/10/2002	Nữ	Bắc Ninh	90	7.3	2.86	0	Không	Khá
32	Nguyễn Thùy Trang	08/11/2003	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	7.9	3.24	0	Không	Giỏi
33	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	15/9/2003	Nữ	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	90	6.8	2.62	0	Không	Khá
34	Dương Thu Uyển	05/01/2003	Nữ	Huyện Lạng Giang, Bắc Giang	90	7.0	2.74	0	Không	Khá
35	Hà Hồng Vân	12/4/2003	Nữ	TP Từ Sơn, Bắc Ninh	90	6.6	2.48	0	Không	Trung bình
36	Nguyễn Thị Ý	21/01/2003	Nữ	Huyện Quế Võ, Bắc Ninh	90	7.1	2.83	0	Không	Khá
37	Nguyễn Thị Loan	18/5/1998	Nữ	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	90	8.2	3.52	0	Không	Giỏi
38	Phan Hải Thủy	12/12/2000	Nữ	Hà Nội	89	6.5	2.38	0	Không	Trung bình

II. LỚP: CĐ D4A3

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc bằng	Kỷ luật	Xếp loại TN
1	Hoàng Thị Thanh	27/12/1982	Nữ	Bắc Giang	79	8.0	3.3	12	Không	Khá